

## THÔNG TIN LIÊN HỆ



Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.



(0292) 3841 289



[www.caseamex.com](http://www.caseamex.com)



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2020**



# MỤC LỤC

- 01 THÔNG TIN CHUNG**

---
- 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

---
- 03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---
- 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---
- 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---
- 06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

---
- 07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



# TÂM NHÌN

Chúng tôi mong muốn trở thành nhà cung cấp thủy sản Việt Nam hướng đến thị trường toàn cầu, là đối tác lâu dài được khách hàng ưa thích và là đơn vị đóng góp có trách nhiệm cho phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.

# SỨ MỆNH

- Mang đến cho khách hàng những sản phẩm an toàn đạt chất lượng cao được sản xuất trong quy trình khép kín và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế.
- Mở rộng thị trường, góp phần làm đẹp hơn hình ảnh của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Mở rộng hoạt động sản xuất, qua đó tăng cường lợi nhuận nhằm đảm bảo phát triển và nâng cao chất lượng đời sống cho các cán bộ Công nhân viên và người lao động.

# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Chất lượng:** Chúng tôi cố gắng nâng cao chất lượng cho toàn bộ quy trình.

**Tập trung vào khách hàng:** Chúng tôi cung cấp chất lượng tốt nhất với dịch vụ khách hàng xuất sắc.

**Minh bạch:** Chúng tôi luôn minh bạch trong mọi hoạt động của công ty.

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

**THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

**NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Tên viết tắt	:	CASEAMEX
Giấy chứng nhận ĐKDN số	:	1800632306 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020
Vốn điều lệ đăng ký	:	150.923.260.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020	:	150.923.260.000 đồng
Địa chỉ	:	Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
Số điện thoại	:	(0292) 3841 289
Số fax	:	(0292) 3841116
Website	:	<a href="http://www.caseamex.com">www.caseamex.com</a>
Mã cổ phiếu	:	CCA
Sàn chứng khoán	:	UPCoM

CASEAMEX

## NĂM

## SỰ KIỆN

**Năm 1988**

Nhà Máy Chế Biến và Xuất Khẩu Cần Thơ ( trực thuộc Công Ty Nông Sản, Xuất Nhập Khẩu CATACO) được thành lập, là tiền thân của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex). Chúng tôi là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là cá tra ra thị trường quốc tế.

**01/07/2006**

Công ty được cổ phần hóa với tên gọi: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex), hiện hoạt động sản xuất và kinh doanh tại Khu công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ – là trung tâm kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Caseamex đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là sản phẩm đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ, EU. Thị trường chính của Caseamex nhằm đến bao gồm: Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á, Trung Quốc, Brazil, Mexico và các nước Trung Đông.

**03/2008**

Công ty thành lập Nhà máy Chế biến Cafish tại LÔ 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ tôm và các mặt hàng thủy hải sản khác.

**Năm 2015**

Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn (Công ty con) chiếm 51% vốn điều lệ tại Cafish. Sau khi chuyển nhượng, Cafish không còn là Công ty con của Caseamex.

**26/12/2019**

Công ty Xuất Nhập khẩu Cần Thơ (Caseamex) sẽ chính thức được giao dịch trên sàn UpCOM.

**Đến nay**

Sau khi hoạt động độc lập, công ty đã trở thành 01 trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.



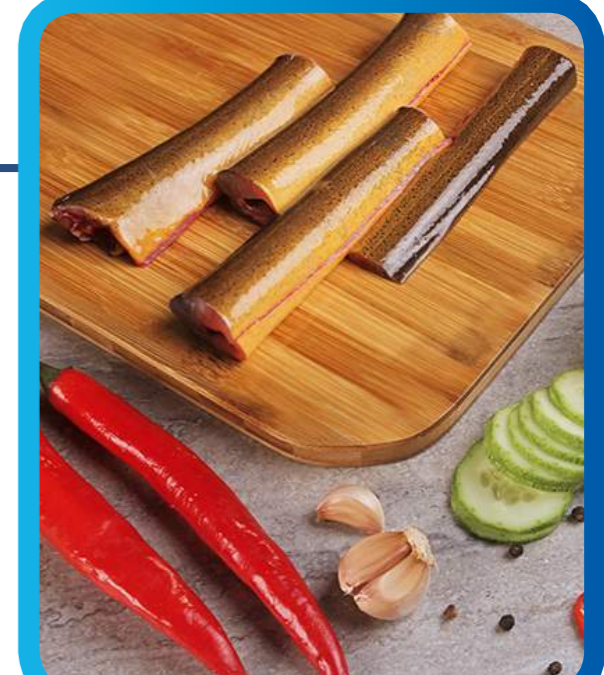
## Ngành nghề kinh doanh

Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến bảo quản rau quả;
- Chăn nuôi lợn; chăn nuôi trâu, bò; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất dầu, mỡ động vật, thực vật; mua bán xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu mỡ, mỡ cá và các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống khác;
- Mua bán thủy sản tươi, đông lạnh, qua chế biến và các mặt hàng thực phẩm khác;
- Mua bán phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ phục vụ ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản;
- Hoạt động môi giới thương mại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng ô tô tải thông thường, xe chuyên dụng, xe Container;
- Cho thuê xe có động cơ; cho thuê kho lạnh bảo quản nông, thủy hải sản, thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, mặt bằng, bên bãi, nhà xưởng, nhà kho;
- Sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

## Địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến thủy sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ nói chung và các tỉnh thành khác trong nước. Đồng thời còn xuất khẩu mở rộng thị trường (Châu Âu, Châu Mỹ, Trung Đông,...). Với mục tiêu phát triển toàn diện, CCA đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các Quốc gia.



## Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm:

**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):**

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị (HĐQT):**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

**Tổng Giám đốc (TGD):**

Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

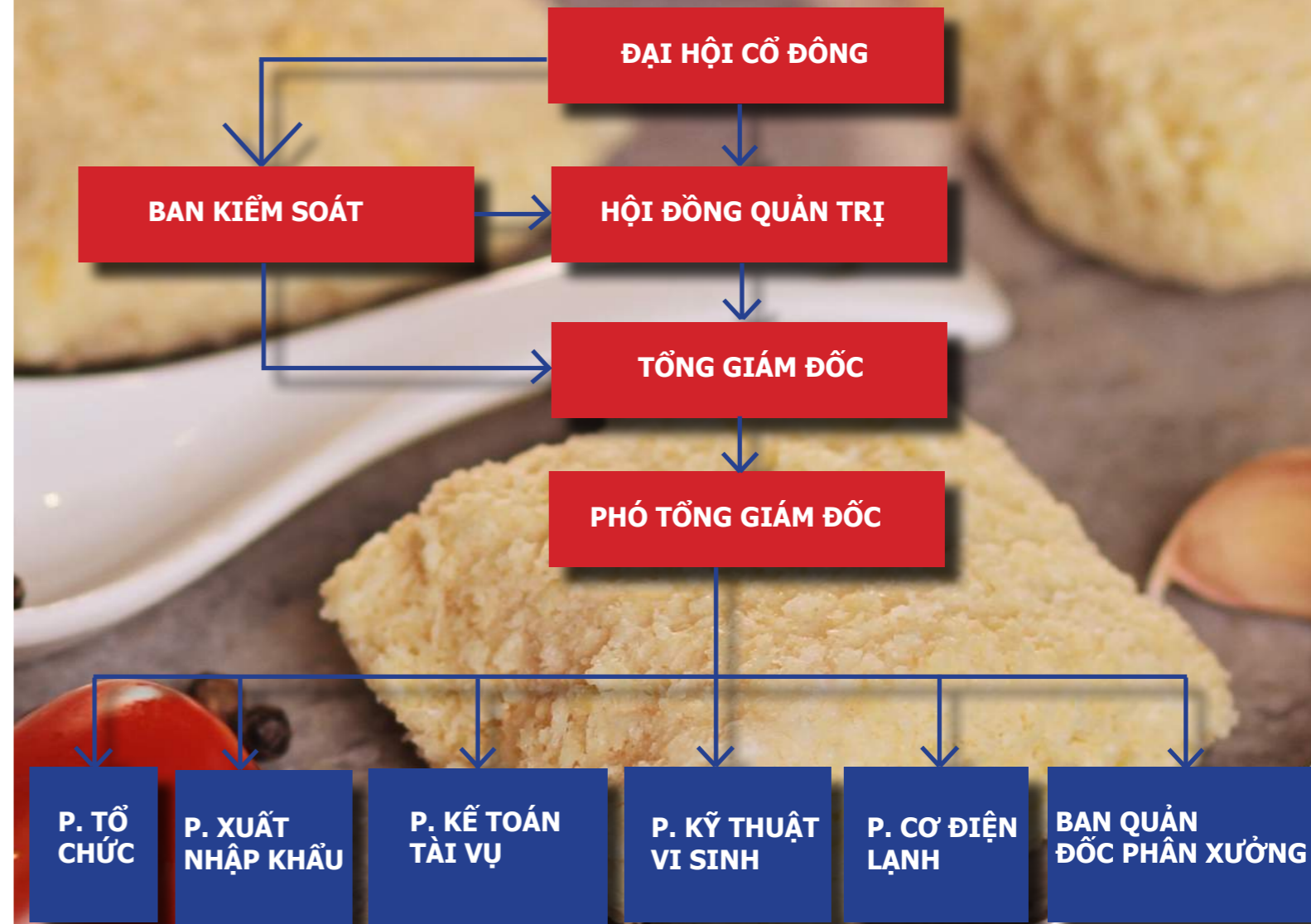
**Ban Kiểm soát (BKS):**

Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ.

- **Các phòng ban liên quan:** Hỗ trợ công việc cho Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.



## Cơ cấu bộ máy quản lý





## Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục phấn đấu là Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam
- Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu Caseamex ngày càng lớn mạnh.
- Xây dựng mạng lưới đối tác, khách hàng tại nhiều quốc gia trên thế giới.
- Tập trung hoàn thiện chuỗi giá trị cá, xây dựng chiến lược phù hợp, thu hút sự tham gia của nhiều thành phần trong chuỗi giá trị ngành cá.
- Xây dựng quy trình đánh giá kiểm tra chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện đa chứng nhận (ASC, BRC, BAP, SA8000, HACCP, Halal, IFS) giúp Caseamex tăng cường lợi thế cạnh tranh của mình trên thị trường quốc tế.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phù hợp để giúp Caseamex gia tăng lợi thế của mình và ngày càng đem lại lợi ích cho khách hàng, đối tác, xã hội.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex) càng ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế trong ngành hàng thủy sản đông lạnh. Mặt hàng chủ lực của Caseamex là chế biến cá tra (Pangasius Hypophthalmus) cá Basa (Basa Bocourti) đông lạnh, tôm sú, tôm càng HOSO/HLSO, PD, CPTO và PUD, cùng một số sản phẩm từ các loại thủy sản khác như đùi ếch, bạch tuộc, mực, lươn. Là một trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra, cá basa, chúng tôi tự tin về chất lượng sản phẩm của mình có thể đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.

Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Caseamex xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra và cá basa nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 80%) cho quá trình sản xuất. Hiện nay, Caseamex đã chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất khép kín bằng cách đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và dịch vụ thủy sản. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng, Công ty chúng tôi luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm.

Công ty chúng tôi luôn tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế BRC, HALAL, GMP, SSOP, HACCP, ISO 9001-2000, và SQF 2000. Đồng thời, chúng tôi đang áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch cho công ty.

Với sứ mệnh trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu cá tra tại Việt Nam, trong những năm qua Caseamex đã và đang xây dựng những nền tảng vững chắc để tăng trưởng theo hướng nhanh, bền vững và tạo ra sự khác biệt. Theo đó, cần có giải pháp nuôi tập trung, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị và áp dụng công nghệ cao để kiểm soát dịch bệnh, cân bằng cung cầu về nguyên liệu, kiểm soát chi phí, và giảm giá thành tăng tính cạnh tranh với thị trường thế giới. Đồng thời tìm ra hướng đi, nắm bắt cơ hội thị trường, chú trọng vào xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường mới,.. đã giúp cho Caseamex giữ vững được thương hiệu và thị phần. Song Công ty sẽ dần hoàn thiện bộ máy quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng được việc hội nhập kinh tế toàn cầu nhằm đưa ra các chính sách hợp lý, đúng đắn góp phần phát triển vững mạnh.

Bên cạnh đó, Caseamex sẽ đẩy mạnh và phát triển qui trình sản xuất khép kín, luôn đảm bảo chất lượng cho các thị trường khó tính, giữ vững vị thế của mình nhằm tăng doanh thu lợi nhuận tạo ra thu nhập cho cán bộ công nhân viên và công nhân ngày càng tốt hơn.

Với sự đầu tư đồng bộ và liên tục trong lĩnh vực chế biến và quản lý chất lượng, Caseamex luôn chủ động tìm kiếm thị trường và đã thành công ở nhiều thị trường trên thế giới như EU, ASIA, khu vực Trung Đông,.. Bên cạnh đó, chúng tôi còn xuất khẩu vào các thị trường tiềm năng như Canada, Nga, Australia và một số thị trường khác.



## Rủi ro kinh tế

Năm 2020 là một năm chứng kiến nhiều sự biến động trong nền kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế chung đã chậm lại do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, lây lan nhanh sang nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chưa đi đến hồi kết. Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới, IMF nhận định rằng nền kinh tế toàn cầu giảm sút trong năm 2020 ở mức 4,4%.

Mặc dù, nền kinh tế thế giới năm vừa qua có những biến động phức tạp nhưng kinh tế Việt Nam vẫn đạt được một số thành tựu nổi bật. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2020, chỉ số tăng trưởng GDP chỉ dừng ở mức 2,91% so với con số 7,02% năm 2019. Tuy nhiên so với mặt bằng chung trên toàn thế giới, con số tăng trưởng 2,91% của Việt Nam vẫn đáng ghi nhận, bởi nhiều nền kinh tế lớn đối mặt với nguy cơ suy thoái (GDP toàn cầu giảm khoảng 4,4%, trong khi Mỹ giảm 4,3%, theo Ngân hàng Thế giới). Chỉ số lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) vẫn được kiểm soát tốt, duy trì ở mức dưới 4%. Trong cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt 8,4 tỷ USD, giảm 1,9% so với năm 2019.

Caseamex là một thành phần của nền kinh tế sẽ không nằm ngoài sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá,... Để hạn chế những tác động từ nền kinh tế, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường để lên kế hoạch chi tiết cụ thể cho hoạt động xuất khẩu của Công ty.

## Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ hoạt động và chịu sự ảnh hưởng từ hệ thống luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật bảo vệ môi trường,... Vì vậy, Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, chính phủ hiện đang nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật với các chính sách kinh tế, cũng như các sửa đổi, cải cách trong thời gian tới. Vì vậy, Công ty thường xuyên cập nhật và linh hoạt thích nghi để nhận diện các mối nguy hiểm ẩn và kịp thời tìm ra hướng giải quyết tốt nhất khi có những thay đổi luật pháp.



## Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trong năm 2020 tỷ giá USD/VND gần như duy trì ổn định, và gần tương đương với thời điểm cuối năm 2019, dao động trong biên độ tương đối hẹp và quanh tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước ở mức 23.209 đồng.

Hiện nay, các sản phẩm của Caseamex hoàn toàn phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu, do vậy tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái cũng sẽ là một vấn đề đáng quan tâm đối với ban lãnh đạo Công ty. Các mặt hàng do Caseamex sản xuất chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường Châu Á và Châu Mỹ chiếm 80% sản lượng của Công ty, các thị trường còn lại là Châu Âu và Trung Đông. Do vậy, Công ty đặc biệt quan tâm theo dõi các tỷ giá như USD/VND và JPY/VND để có các biện pháp giải quyết kịp thời. Caseamex đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại,... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

## Rủi ro nguồn nguyên liệu

Ngành thủy sản Việt Nam đang tồn tại vấn đề đáng lo ngại là chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu, trong đó chi phí nguồn nguyên liệu là yếu tố chiếm chủ yếu. Vì thế, những biến động trong nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác và thành phẩm nguyên liệu chế biến. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt đã gây không ít khó khăn cho việc xuất khẩu.

Con giống là yếu tố then chốt trong chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản, vì chất lượng con giống sẽ quyết định đến toàn bộ kết quả và rủi ro của người nuôi. Hiện tại, Công ty đã đầu tư và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 hecta tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng,... có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Vùng nuôi nguyên liệu cung cấp mỗi năm khoảng từ 45.000-50.000 tấn nguyên liệu mỗi năm. Song tình trạng thiếu hụt nguồn cung ứng và kém chất lượng dễ mắc phải. Do đó, Caseamex đã có những biện pháp theo dõi tình hình nguồn nguyên liệu, giá thành, mở rộng vùng thu mua, chủ động thu mua từ nhiều nguồn cung nguyên liệu, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và chất lượng, từ đó có thể hạn chế những tổn thất mà rủi ro này mang lại.

## Rủi ro về dịch bệnh ô nhiễm môi trường

Tình hình biến đổi khí hậu ngày nay diễn biến ngày càng phức tạp, khó dự báo, có xu hướng tiêu cực, gây ra nhiều thiệt hại cho các diện tích nuôi trồng thủy sản; nguồn nước trên thượng nguồn có nguy cơ bị ô nhiễm do tình trạng phá rừng xây đập thủy điện, nên khi lũ đổ về thì không đủ để cuốn trôi các chất thải trong ao hồ, các chất bảo vệ thực vật, tình trạng xâm nhập mặn kéo dài tạo điều kiện cho mầm bệnh sinh sôi nảy nở, từ đó gây nên dịch bệnh cho các ao hồ đang nuôi trồng. Gây thiệt hại lớn về nguồn cung nguyên liệu, cũng như chất lượng của nguồn nguyên liệu khai thác được. Trước thực trạng đó, CASEAMEX đã áp dụng công nghệ để khắc phục tình trạng suy thoái:

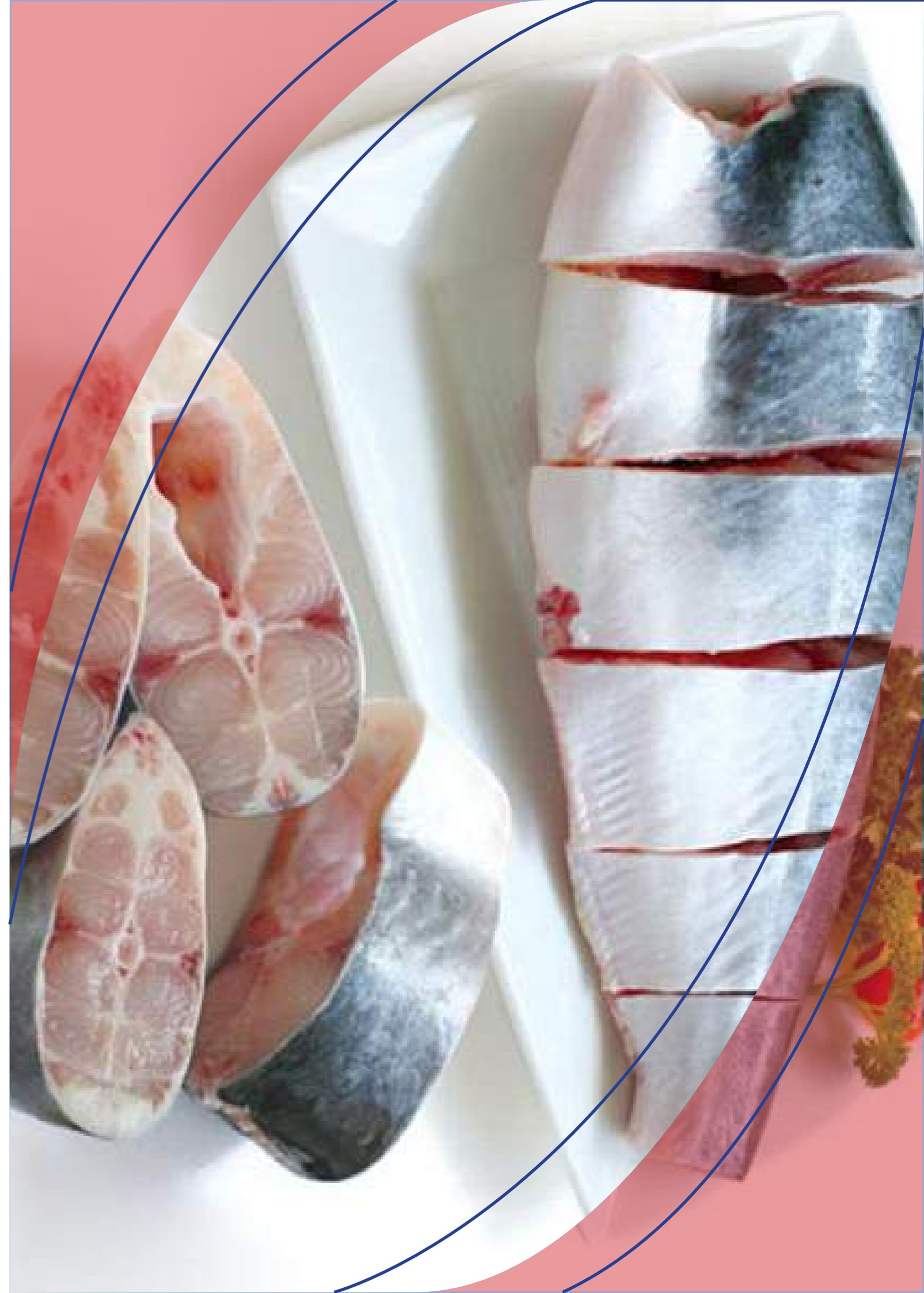
- Cải tạo đáy ao bằng cách thay đổi loài nuôi;
- Xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học;
- Hạn chế sử dụng thuốc thủy sản và thực hiện đúng quy định mà cơ quan chức năng cho phép;
- Sử dụng kỹ thuật quan trắc môi trường để theo dõi nguồn nước;...

## Rủi ro cạnh tranh

Thủy sản là một trong những ngành kinh tế lớn của cả nước với giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 8,41 tỷ USD. Trên thế giới, thủy sản Việt Nam cũng chịu áp lực cạnh tranh gay gắt về giá bán với các nước xuất khẩu thủy sản khác như: Thái Lan, Indonesia, Ecuador, Trung Quốc, Ấn Độ... Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu có nguồn cung lớn sẽ gây ra áp lực và khó khăn đối với Caseamex để tạo ra những sản phẩm phù hợp với tiêu chí của người tiêu dùng. Để giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh này mà vẫn đảm bảo có lợi nhuận tốt, Caseamex đẩy mạnh chế biến các sản phẩm cá tra giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm bằng các sản phẩm thủy sản chế biến ăn liền.

## Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác nhau như biến động giá cả nguyên vật liệu, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng không thể xem nhẹ nó, nếu xảy ra sẽ tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Ban lãnh đạo phải thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.



# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

**TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình chung của ngành xuất nhập khẩu thủy sản năm 2020

Năm 2020 đã đi qua để lại bao tổn thương cho nhiều nền kinh tế lớn của thế giới. Nhờ những nỗ lực phi thường, Việt Nam ít bị ảnh hưởng hơn bởi đại dịch nhưng mọi mặt từ đời sống đến kinh tế - xã hội, giáo dục, an ninh quốc phòng cũng đã trải qua nhiều tháng bị đảo lộn. Ngành thủy sản Việt Nam cũng nằm trong chuỗi ảnh hưởng liên hoàn đó.

Những tháng qua, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đối mặt với rất nhiều thách thức. Trong đó, đặc biệt dịch bệnh có diễn biến phức tạp tại các thị trường lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc...

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên toàn cầu đã khiến cho tiêu thụ thủy sản giảm, xu hướng tiêu dùng thay đổi, đơn đặt hàng giảm từ 35% đến 50%. Cùng với đó, giãn cách xã hội khiến sản xuất trong nước và thương mại quốc tế đình trệ, Doanh nghiệp bị thiếu nguyên liệu chế biến, vận tải và thanh toán khó khăn dẫn đến thiếu vốn để duy trì và phục hồi hoạt động.

Trong khi đó, lĩnh vực nhà hàng, dịch vụ cũng bị ngưng hoạt động khiến tiêu thụ thủy sản của phân khúc này giảm đáng kể, kéo theo giá sản phẩm thủy sản giảm đồng loạt trên thị trường thế giới. Các mặt hàng chủ lực đều bị giảm giá, khiến cho doanh thu của các nhà xuất khẩu giảm mạnh.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), kết thúc năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt 8,41 tỷ USD, giảm 1,9%. Đây là nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp thủy sản trong năm 2020. Trong đó, xuất khẩu cá tra đạt 1,54 tỷ USD (giảm mạnh 23% so với năm 2019).

Năm 2020, cả người nuôi và các nhà sản xuất cá tra tại Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ... đều bị ảnh hưởng với mức độ khác nhau do đại dịch Covid-19. Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL cũng giảm xuống dưới 20,000 đồng/kg và giá trị xuất khẩu sang một số thị trường lớn như Trung Quốc, Hồng Kông, Mỹ, ASEAN và EU giảm so với năm trước.

Xuất khẩu đình trệ, thiên tai ảnh hưởng vùng nuôi, cùng với dịch Covid-19 khiến giá bán và sản lượng "đi xuống" đi xuống... tất cả những khó khăn tạo thành một chuỗi liên tiếp ập đến khiến doanh nghiệp thủy sản chao đảo trong năm. Song, sự nỗ lực của các Doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục hoạt động sản xuất đã mang lại những kết quả khả quan đối với ngành hàng này.



## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2019	2020
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu (USD)	20.526	21.625
Sản lượng sản xuất	Tấn	9.635	10.385
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	8.918	9.460
Tổng doanh thu	đồng	628.574.134.712	660.458.230.953
Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.855.847.264	7.139.232.095
Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.558.657.309	5.660.376.831

Mặc dù, thị trường xuất khẩu cá tra, cá basa năm 2020 giảm nhưng nhờ sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành, Công ty đã có những hoạch định chính sách bán hàng phù hợp vượt qua giai đoạn khó khăn này. Cụ thể kim ngạch xuất khẩu của Công ty năm 2020 đạt 21.625 triệu (USD) tăng 5% so với năm 2019, sản lượng sản xuất năm 2020 đạt 10.385 tấn tăng 7% so với năm 2019 và sản lượng tiêu thụ đạt 9.460 tấn tăng 6% so với năm trước. Tuy nhiên, trước bối cảnh bùng nổ dịch bệnh Covid - 19, các chi phí đầu vào đều tăng cao như: chi phí bán hàng, chi phí tài chính,... đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm còn 5,660 tỷ đồng giảm hơn 54% so với kỳ trước.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH 2020	KH 2020	%TH 2020/ KH 2020
Kim ngạch xuất khẩu	USD	21.626.797	25.000.000	86,5%
Sản lượng sản xuất	kg	10.385.545	8.200.000	126,7%
Sản lượng tiêu thụ	Kg	9.460.714	8.200.000	115,4%
Tổng doanh thu	đồng	660.458.230.953	700.000.000.000	94,4%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.139.232.095	15.000.000.000	47,6%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.660.376.831	12.000.000.000	47,4%

Qua bảng so sánh trên cho thấy các chỉ tiêu tài chính không đạt so với kế hoạch chỉ tiêu Công ty đề ra. Nguyên nhân chính là do tác động nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Đầu năm 2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lan rộng ra nhiều quốc gia trên thế giới đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các đơn hàng xuất khẩu của Caseamex.

Thêm vào đó điều kiện khí hậu khó khăn do tình trạng xâm nhập mặn, triều cường,.. diễn ra trên diện rộng Đồng Bằng Sông Cửu Long dẫn đến nuôi cá không đạt gây thiếu hụt nguyên liệu, để đáp ứng những mặt hàng đã ký buộc Công ty phải mua nguyên liệu với giá cao hơn dự kiến đề ra. Bên cạnh đó, những chi phí đầu vào các như: giá bao bì, giá vật tư, giá nguyên phụ liệu,.. không ngừng tăng đột biến từ đó dẫn đến kết quả kinh doanh của Caseamex không đạt như kỳ vọng. Ngoài ra Công ty còn chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá với các nước như Ấn Độ, Indonesia,...



## Cơ cấu doanh thu theo thị trường

KHOẢN MỤC	2019		2020	
	DOANH THU (tỷ đồng)	TỶ TRỌNG (%)	DOANH THU (tỷ đồng)	TỶ TRỌNG (%)
Nội địa	197	31%	162	25%
Xuất khẩu	431	69%	498	75%
<b>Tổng cộng</b>	<b>628</b>	<b>100%</b>	<b>660</b>	<b>100%</b>

Theo báo cáo mới đây của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (Vasep), trong 2 năm trở lại đây, xuất khẩu cá tra, basa sang thị trường ASEAN có nhiều tăng trưởng tích cực. Nhờ hưởng lợi do hiệp định CPTP được kí kết năm 2018 và hiệp định VFTA đã chính thức có hiệu lực kể từ tháng 8 năm 2020 góp phần vào việc thúc đẩy xuất khẩu thủy sản và giảm bỏ hàng rào thuế quan sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Australia; Canada, Mexico, đây cũng là một trong những đối tác thương mại chính của xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung và Caseamex nói riêng. Mặc dù đang trong tình khó khăn chung toàn kinh tế, nhưng Công ty đã tận dụng những cơ hội có từ hiệp định dẫn đến giá trị kim ngạch xuất khẩu của Công ty tăng. Đồng thời trong quý 3, tình hình dịch bệnh giữa các nước được kiểm soát tốt đã giúp cho hàng hóa xuất khẩu thủy sản của Công ty tăng trở lại.



## Danh sách Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT



## Lý lịch Hội đồng quản trị

### ÔNG NGUYỄN CHÍ THẢO - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Chức vụ</b>	Chủ tịch HĐQT
<b>Năm sinh</b>	01/07/1968
<b>Nơi sinh</b>	Cà Mau
<b>Quê quán</b>	Cà Mau
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Tài chính
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng GD CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CCA)
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Trợ lý Giám đốc - Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ
07/2006 - 26/06/2020	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
Từ 26/06/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

## ÔNG VÕ ĐÔNG ĐỨC - PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Giới tính</b>	Nam
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	06/02/1959
<b>Nơi sinh</b>	Vĩnh Long
<b>Quê quán</b>	Vĩnh Long
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Chăn nuôi thú y, cử nhân kinh tế
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CCA)
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Giám đốc
07/2006 - 26/06/2020	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
26/06/2020 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

## ÔNG NGUYỄN THANH GIANG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Chức vụ</b>	Thành viên HĐQT
<b>Năm sinh</b>	16/04/1960
<b>Nơi sinh</b>	Hậu Giang
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Hậu Giang
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Chăn nuôi thú y
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Phó Quản đốc sản xuất
06/2010-09/2011	Trưởng phòng tổ chức nhân sự - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản cần Thơ
10/2011 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ



## BÀ VÕ THỊ THÚY NGA - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Chức vụ</b>	Thành viên HĐQT
<b>Năm sinh</b>	6/10/1965
<b>Nơi sinh</b>	Hậu Giang
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Hậu Giang
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Chăn nuôi thú y
<b>Số cổ phần đang nắm giữ</b>	
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Quản đốc sản xuất.
07/2006 – 01/2020	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất.
01/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

## BÀ LÊ HUỲNH THANH TRÚC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<b>Chức vụ</b>	Thành viên HĐQT
<b>Năm sinh</b>	6/4/1967
<b>Nơi sinh</b>	Tân An, Phong Dinh
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Công nghệ sinh học
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Thành viên HĐQT kiêm phó Quản đốc nhà máy sản xuất
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Phó Quản đốc sản xuất.
07/2006 – 04/2015	Phó quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
04/2015 - 01/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
01/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy

## Danh sách Ban điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	
4	Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	
5	Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	
6	Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
7	Nguyễn Khắc Chung	Kế toán trưởng	

**Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc:** (Xem lý lịch hội đồng quản trị)

**Nguyễn Chí Thảo – Phó Tổng Giám đốc:** (Xem lý lịch hội đồng quản trị)

**Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc:** (Xem lý lịch hội đồng quản trị)



## Lý lịch Ban điều hành

### ÔNG LÊ THÀNH ĐƯỢC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>Chức vụ</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	07/11/1967
<b>Nơi sinh</b>	Cần Thơ
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Khu Hòa Thạnh A, P.Thới Hòa, Ô Môn, Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Phó Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Phó Giám đốc.
07/2006 – nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Phó Tổng Giám đốc

## Lý lịch Ban điều hành

### ÔNG PHAN HOÀNG DUY - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>Chức vụ</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	22/08/1984
<b>Nơi sinh</b>	Cần Thơ
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Khai thác thủy sản
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Phó Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
<b>Quá trình công tác:</b>	
01/2008 - 05/2014	Nhân viên phòng xuất khẩu - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
06/2014 - 11/2015	Phó phòng xuất khẩu - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
12/2015 - 07/2017	Trưởng phòng kinh doanh - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
08/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

### ÔNG NGUYỄN TRÍ TÙNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

<b>Chức vụ</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Năm sinh</b>	28/08/1967
<b>Nơi sinh</b>	Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Địa chỉ thường trú</b>	116/41B Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học chế biến
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Phó Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Trưởng phân xưởng tôm
07/01/2006 - 11/2020	Trưởng phòng Kỹ thuật
11/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

## Lý lịch Ban điều hành

### ÔNG NGUYỄN KHẮC CHUNG- KẾ TOÁN TRƯỞNG

<b>Chức vụ</b>	Kế toán trưởng
<b>Năm sinh</b>	23/10/1965
<b>Nơi sinh</b>	Thanh Hóa
<b>Địa chỉ thường trú</b>	148/276 đường 3/2, Hưng Lợi, Ninh Kiều, Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Kinh tế
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Kế toán trưởng CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí Nghiệp Chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Phụ trách kế toán.
07/2006 - nay	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ - Kế toán trưởng.



## Danh sách Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS



## Lý lịch Ban Kiểm soát

### ÔNG LÝ QUỐC TUẤN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

<b>Chức vụ</b>	Trưởng Ban kiểm soát
<b>Năm sinh</b>	1974
<b>Nơi sinh</b>	Cần Thơ
<b>Địa chỉ thường trú</b>	15/56 Hoàng Văn Thụ, Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Kinh tế
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Trưởng BKS Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Nhân viên phòng kế toán.
07/2006 - 02/2010	Nhân viên phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
03/2010 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Kiểm Phó phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

## Lý lịch Ban Kiểm soát

### BÀ HỒ THỊ CẨM HUỖNH - THÀNH VIÊN BKS

<b>Chức vụ</b>	Thành viên BKS
<b>Năm sinh</b>	11/11/1975
<b>Nơi sinh</b>	Ô Môn - Cần Thơ
<b>Địa chỉ thường trú</b>	91/67E Cách Mạng Tháng 8, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học chăn nuôi thú y
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng kỹ thuật
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 2006	Nhân viên kiểm nghiệm thuộc Phòng kỹ thuật xí nghiệp CBTPXK - Trực thuộc Công ty nông sản xuất nhập khẩu Cần Thơ.
07/01/2006	Phó phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
11/01/2020	Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
26/06/2020	Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

### BÀ NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN - THÀNH VIÊN BKS

<b>Chức vụ</b>	Thành viên BKS
<b>Năm sinh</b>	30/05/1978
<b>Nơi sinh</b>	Phụng Hiệp - Cần Thơ
<b>Địa chỉ thường trú</b>	244/22 Cách Mạng Tháng 8, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Đại học Tài chính Kế toán
<b>Chức vụ hiện tại</b>	Thành viên BKS kiêm Nhân viên phòng Tổ chức hành chính
<b>Quá trình công tác:</b>	
Trước 2006	Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM)
07/01/2006	Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM)
02/02/2009	Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính
26/06/2020	Thành viên BKS kiêm Nhân viên phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ.

# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

## Số lượng cán bộ nhân sự:

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>688</b>	<b>100%</b>
1	Đại học và trên đại học	86	12,50%
2	Cao đẳng	15	2,18%
3	Trung cấp	80	11,63%
4	Trình độ phổ thông	507	73,69%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng xây dựng</b>	<b>688</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	516	75,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	172	25,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>688</b>	<b>100%</b>
1	Nam	296	43,02%
2	Nữ	392	56,98%

Là một công ty phát triển mạnh về mảng dịch vụ, Công ty coi người lao động của mình là những tài sản quý giá nhất. Theo đó, Công ty nỗ lực xây dựng cơ chế chính sách về nhân sự linh động, chính sách phúc lợi ưu việt, môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm tạo điều kiện phát triển cho tất cả CBCNV, cụ thể như sau:



Công ty luôn quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao cho các cán bộ công nhân viên.

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích:  
 Cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nhân viên áp dụng thành công khi có các thay đổi về công nghệ trong doanh nghiệp;  
 Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên;  
 Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.



Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Thời gian thử việc đối với lao động tuyển mới: Không quá 60 ngày đối với lao động có chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên; Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất bằng 85% mức lương cấp bậc của công việc đó. Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không cần phải báo trước và cũng không phải bồi thường nếu việc làm thử không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận.

# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



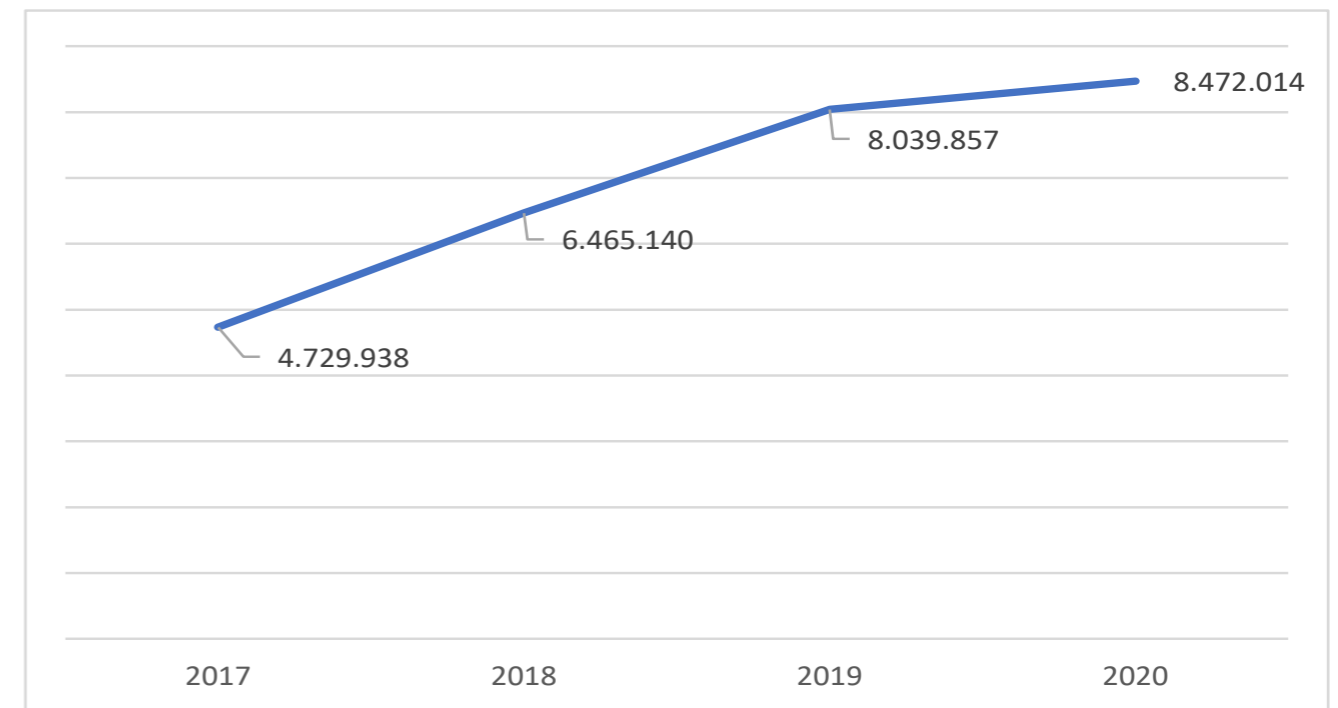
**Chính sách  
lương thưởng**

Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Công ty thực hiện chế độ nâng lương hàng năm cho CBCNV và quan tâm thường xuyên đến việc cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống CBCNV. Nhằm khuyến khích, động viên CBCNV tích cực gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng xứng đáng, thiết thực cho người lao động. Ngoài các đợt khen thưởng hàng quý, năm còn có thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc cải tiến quản lý mang lại hiệu quả cao cho Công ty. Việc khen thưởng thực hiện thường xuyên, kịp thời đã khuyến khích, động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh của Công ty phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh của Công ty.



## Thu nhập bình quân:

NĂM	THU NHẬP BÌNH QUÂN (đồng/tháng/người)
2017	4.729.938
2018	6.465.140
2019	8.039.857
2020	8.472.014





# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

**Máy móc, thiết bị:** 7.164.672.762 đồng

**Các khoản đầu tư lớn:** Không có

**Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

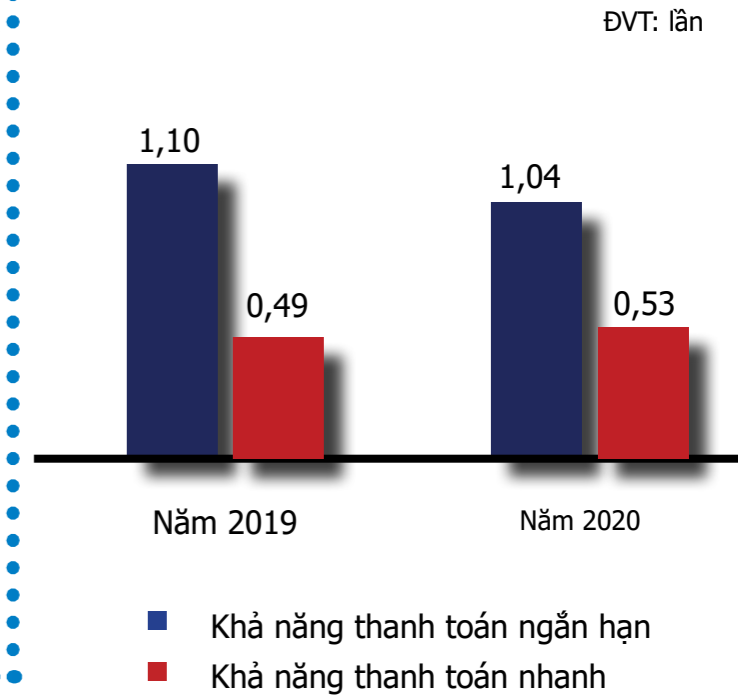


## Các chỉ số tài chính chủ yếu :

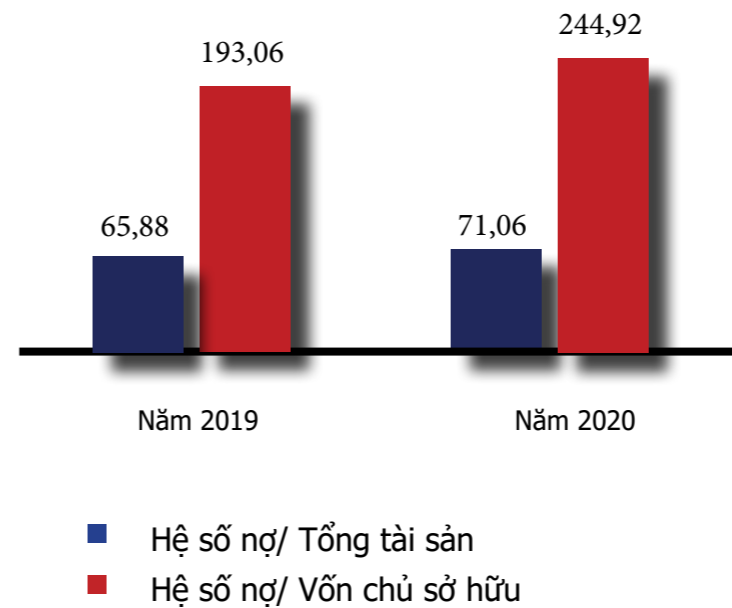
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2019	NĂM 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,53
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	65,88%	71,06%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	193,06%	244,92%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,64	2,19
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,03	0,94
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS)	%	2,01%	0,87%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,63%	2,59%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,06%	0,81%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	2,53%	1,11%

### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty có biến động nhẹ so với năm trước. Qua bảng số liệu trên có thể thấy, Hệ số thanh toán ngắn hạn có biến động giảm từ 1,10 lần (năm 2019) xuống 1,04 lần (năm 2020), hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,49 lần (năm 2019) lên 0,53 lần (năm 2020). Nguyên nhân chính trong năm qua khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty tăng cao khá tương đồng khoản mục phải trả cho người bán, người mua trả tiền trước và các khoản vay nợ thuê tài chính. Sự gia tăng ở các khoản mục này đều nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



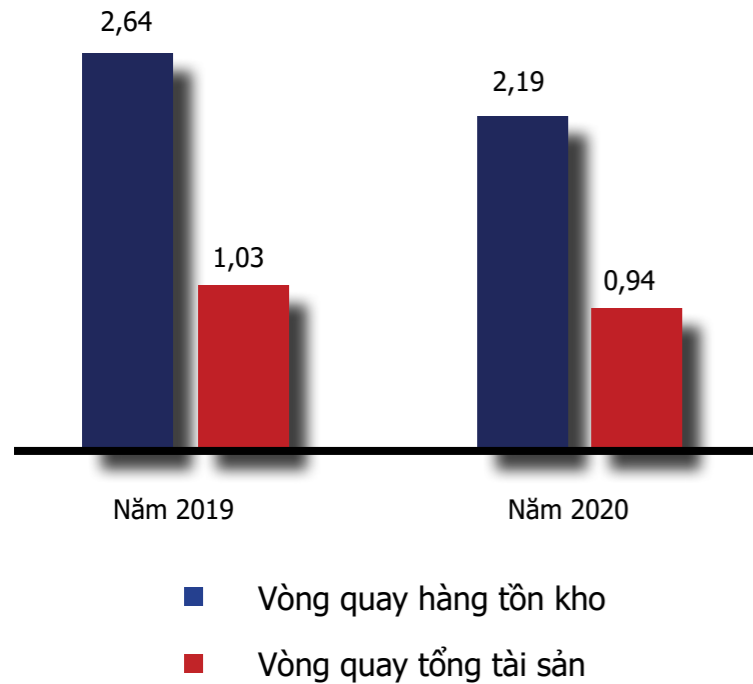
ĐVT: %



### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ so với tổng tài sản năm 2020 là 71,06% và hệ số nợ so với nguồn vốn chủ sở hữu là 244,92%. Hai hệ số này trong năm 2020 có mức tăng đáng kể so với năm 2019. Cơ cấu tài sản của CCA trong năm có nhiều biến động, trong đó các khoản phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước tăng cao do công ty nhận nhiều đơn đặt hàng. Đây được xem là một tín hiệu tốt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát.

ĐVT: vòng

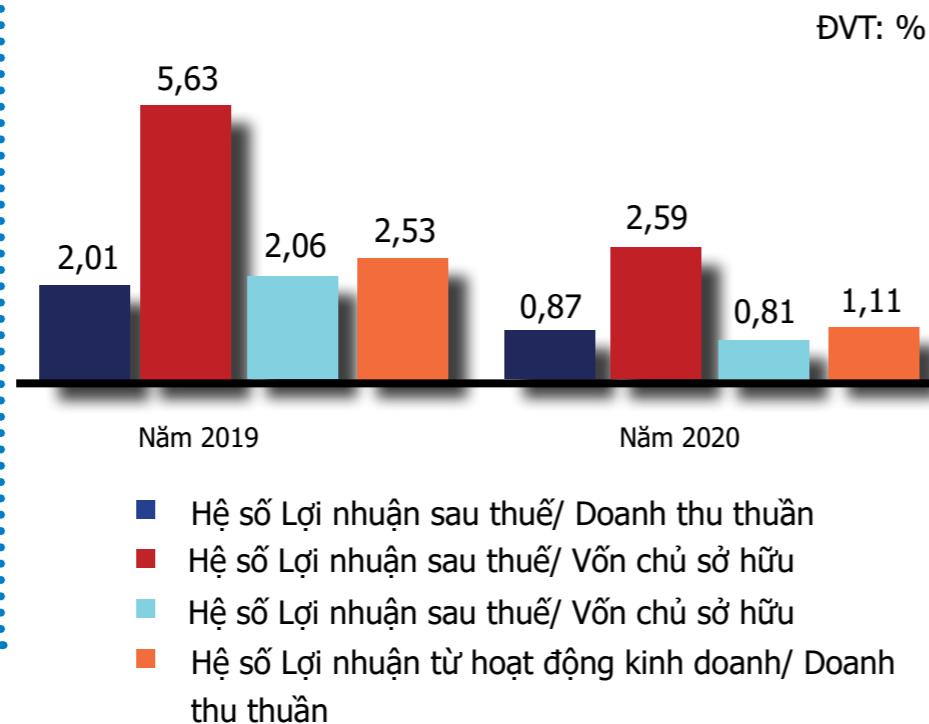


## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty trong năm 2020 giảm nhẹ so với cùng kỳ từ 2,64 vòng (năm 2019) giảm còn 2,19 vòng (năm 2020), nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh ngành thủy sản nói chung mà đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh cá tra gặp không ít khó khăn trong quá trình tiêu thụ trong nước và hoạt động xuất khẩu bị đình trệ. Cụ thể lượng hàng tồn kho năm 2020 đạt 269 tỷ đồng tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2019. Chỉ số vòng quay tổng tài sản cũng giảm nhẹ từ 1,02 vòng (năm 2019) xuống còn 0,93 vòng (năm 2020). Điều này phản ánh sự suy giảm trong hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty và sẽ là vấn đề cần lưu ý cho năm sau trong việc đưa ra kế hoạch sử dụng tài sản tối ưu hơn để tạo ra doanh thu.

## Chỉ tiêu về hoạt động

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 được thể hiện rõ nét qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời của CCA. Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu đang gặp khó khăn. Vì vậy, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm trước. Cụ thể, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đã giảm từ 5,63% (năm 2019) xuống 2,59% (năm 2020) và chỉ số (ROS) đã giảm từ 2,01% (năm 2019) xuống 0,87% (năm 2020). Các chi phí vận hành của công ty tăng cao khiến cho LNST giảm mạnh xuống 5 tỷ.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần:

**Tổng số cổ phiếu phát hành:** 15.092.326 cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 13.734.017 cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu quỹ:** 1.358.309 cổ phiếu

**Loại cổ phần:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

## Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có

## Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 30/12/2020:

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	<b>12</b>	<b>5.878.339</b>	<b>38,9%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>385</b>	<b>9.115.234</b>	<b>60,4%</b>
1	Cá nhân	382	7.754.467	51,4%
2	Tổ chức	3	1.360.767	9,0%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>98.753</b>	<b>0,7%</b>
1	Cá nhân	3	98.753	0,7%
2	Tổ chức	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>400</b>	<b>15.092.326</b>	<b>100,0%</b>

**03**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH**



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁM ĐỐC

**Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 :**

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2019	NĂM 2020	KẾ HOẠCH NĂM 2020	TĂNG TRƯỞNG-SO VỚI KẾ HOẠCH (%)
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu tấn	20.526	21.626	25.000	86,5%
Sản lượng sản xuất	Tấn	9.635.221	10.385	8.200	126,7%
Tổng doanh thu	đồng	628.574.134.712	660.458.230.953	700.000.000.000	94,4%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.855.847.264	7.139.232.095	15.000.000.000	47,6%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.558.657.309	5.660.376.831	12.000.000.000	47,4%
Lãi cơ bản trên / Cổ phiếu	Đồng	823	371	-	-



## Thuận lợi

- Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Công ty xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra và cá basa nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào (khoảng 80%) cho quá trình sản xuất. Hiện nay, Caseamex đã chủ động trong việc thiết lập qui trình sản xuất khép kín bằng cách đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và dịch vụ thủy sản. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng, Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại với năng suất trên 25.000 tấn sản phẩm/năm.
- Nhờ chủ động được nguồn nguyên liệu, tự cung tự cấp trên 80% nhu cầu nên Caseamex không những đảm bảo việc đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định mà còn hưởng lợi từ khâu nuôi nguyên liệu trong giai đoạn nguyên liệu tăng giá.
- Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như ISO 9001, SQP 2000, BRC, IFS, HACCP, GMP, SSOP nên tiết kiệm được thời gian, nguyên liệu, chất lượng sản phẩm cao... nhằm tăng hiệu quả. Đồng thời, Công ty đang áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch.
- Công ty có cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng và cải tiến liên tục nhằm đáp ứng được nhiệm vụ đặt ra.

## Khó khăn

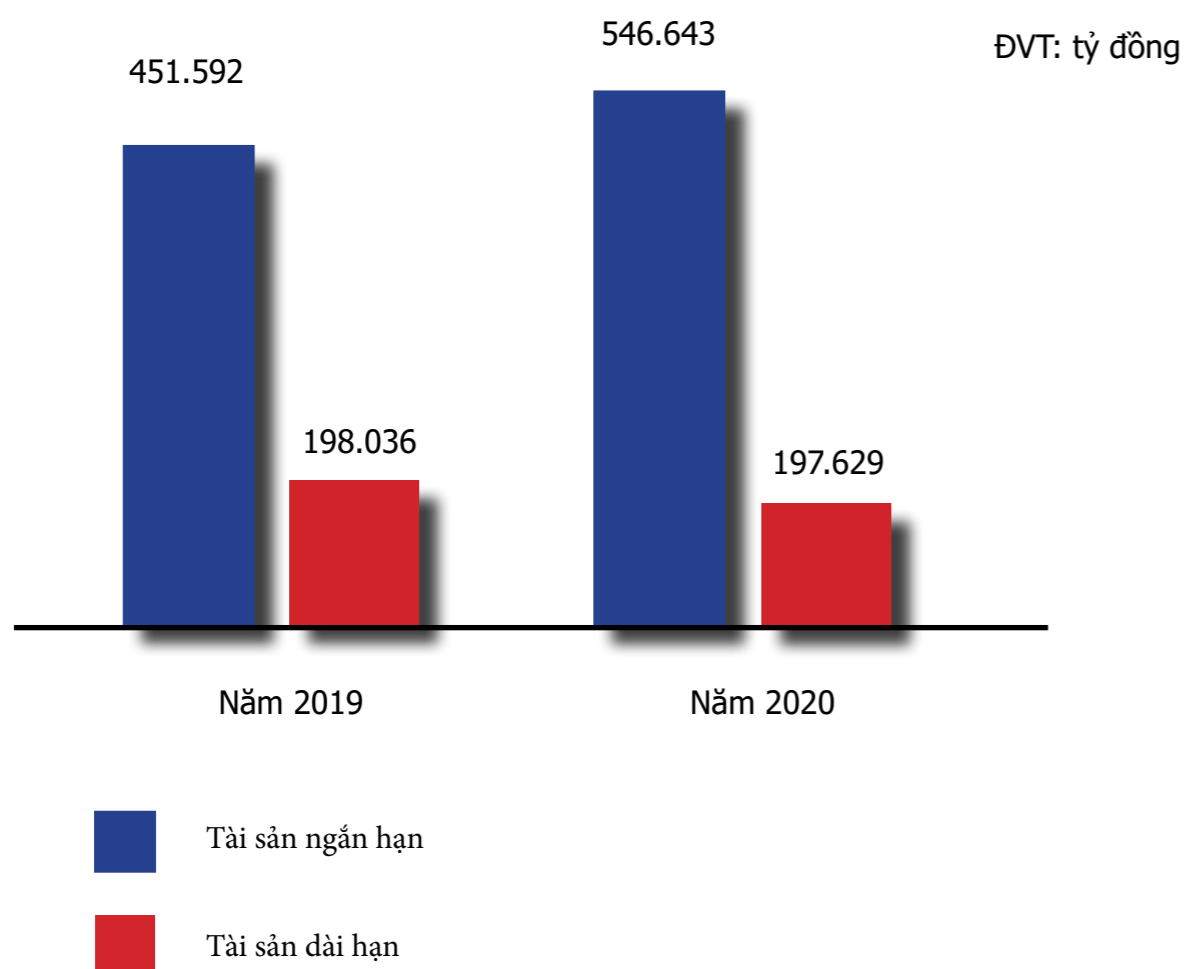
Mặc dù năm 2020 được đánh giá là năm có nhiều điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu thủy sản, nhưng mở đầu năm 2020, ngành thủy sản Việt Nam đã phải gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh COVID-19 do chủng virus corona bùng phát trên phạm vi toàn cầu, nghiêm trọng nhất là tại các quốc gia Trung Quốc, Mỹ và khu vực EU- các thị trường xuất khẩu trọng điểm của thủy sản Việt Nam. Theo thống kê của Hiệp hội Thủy sản Việt Nam (VASEP), trong 2 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất thủy sản Việt Nam đã sụt giảm 11% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu thụ thủy sản sụt giảm cũng như hoạt động vận tải gặp nhiều khó khăn khiến các nhà nhập khẩu tại các thị trường tạm hoãn hoặc hủy đơn hàng. Bên cạnh đó năm nay có nhiều sự cố thiên tai và dịch bệnh bất thường. Đồng thời tình hình nguyên liệu không ổn định, chi phí nuôi cá tăng do thức ăn và chi phí nuôi cá tăng làm người nuôi cá lỗ và bỏ nuôi hàng loạt.



## Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	31/12/2019	31/12/2020	%TĂNG/GIẢM
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	451.592	546.643	21,34%
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	198.036	197.629	(0,21%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>649.628</b>	<b>744.272</b>	<b>14,77%</b>

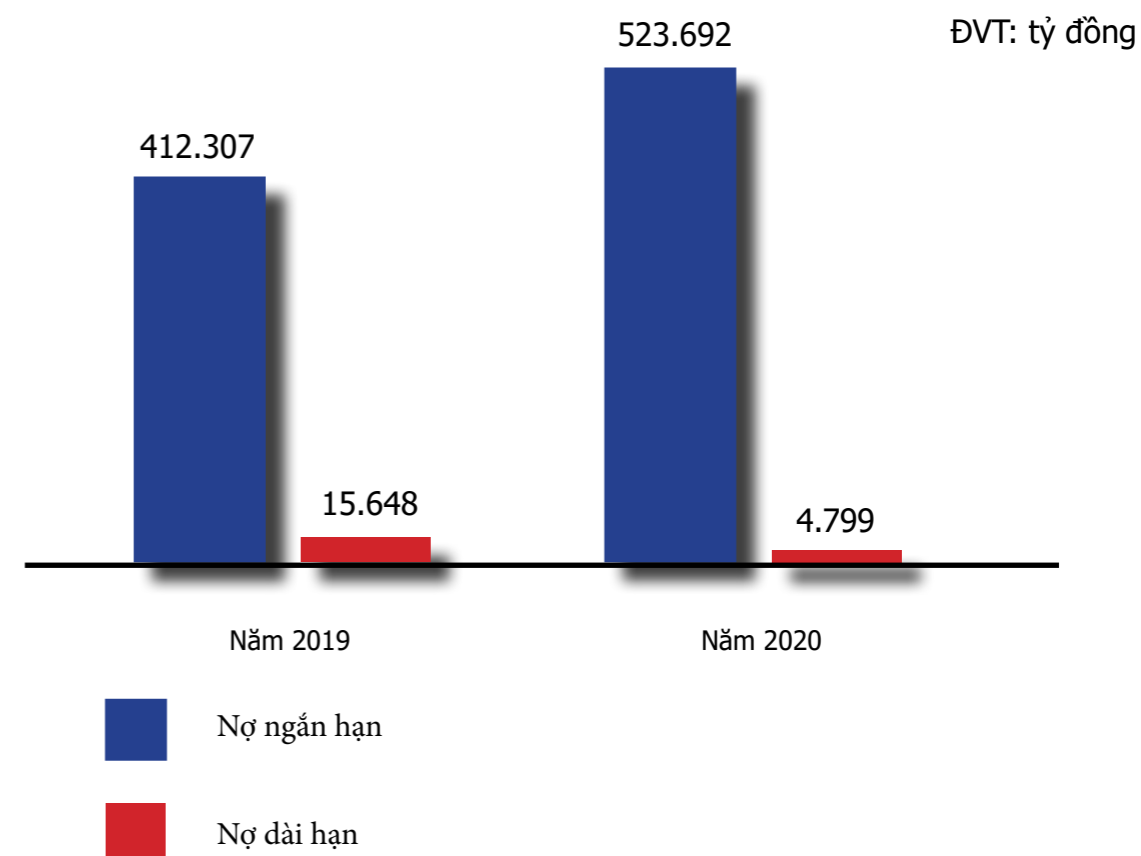
Tình hình tài sản của Công ty trong năm nay có sự biến động khá lớn, cụ thể tổng tài sản của Công ty đạt 744.272 tỷ đồng, tăng 14,77% so với năm 2019 là 649.628 tỷ đồng. Mức tăng chủ yếu tập trung ở khoản mục tài sản ngắn hạn. Các khoản mục khiến tài sản ngắn hạn tăng cao là các khoản phải thu ngắn hạn (Công ty Sea International NP - USA INC và các khách hàng khác lên đến 218 tỷ đồng), hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác. Khoản mục tài sản dài hạn trong năm 2020 của Công ty không có biến động nhiều. Cụ thể đạt 197.629 tỷ đồng, giảm 0,21% so với năm 2019.



## Tình hình Nợ phải trả

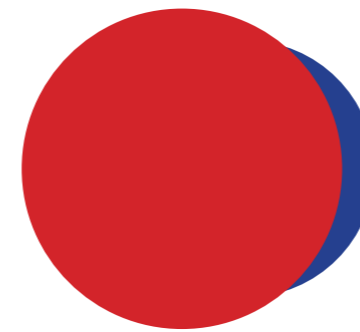
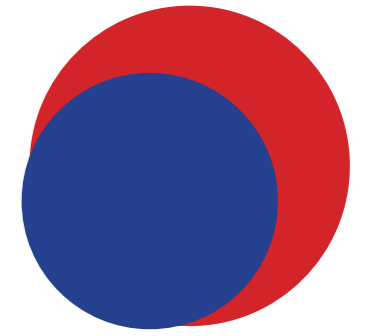
CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	31/12/2019	31/12/2020	% TĂNG/ GIẢM
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	412.307	523.692	27,33%
Nợ dài hạn	tỷ đồng	15.648	4.799	-69,33%
<b>Tổng nợ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>427.956</b>	<b>528.492</b>	<b>23,49%</b>

Trong năm 2020 cơ cấu nợ phải trả của Công ty tăng cao so với năm 2019. Mức tăng chủ yếu tập trung ở khoản mục nợ ngắn hạn đạt 523.692 tỷ đồng, tăng 27,02% so với năm trước. Cụ thể tăng chủ yếu ở khoản mục vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản. Ở khoản mục nợ dài hạn có xu hướng giảm 69,33% so với năm 2019 đạt 4.799 tỷ đồng do trong năm công ty thực hiện thanh toán các khoản vay. Cụ thể, cuối năm Công ty tất toán khoản vay dài hạn hơn 10 tỷ đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ



## Kế hoạch chỉ tiêu năm 2021

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021	TỶ LỆ %2021/2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	653.041	750.000	114,85%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.660	12.000	211,12%
Tỷ lệ LNST/DTT	%	0,9%	1,6%	183,83%
Tỷ lệ LNST/VDL	%	3,8%	8,0%	211,12%



# 04

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trải qua một năm 2020 với nhiều sự kiện trong nước cũng như quốc tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, HĐQT càng đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Giám đốc các công ty thành viên sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.

Năm 2020, Caseamex là công ty có quy mô thuộc vào những doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên do hoạt động chủ yếu là xuất khẩu nên Công ty còn phải chịu cạnh tranh từ những nước khác đặc biệt là Ấn độ, Indonesia,... Thêm vào đó, rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu ngày càng tăng khiến cho chi phí sản xuất, bán hàng, kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng lên. Những nguyên nhân đó ảnh hưởng rất nhiều đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Caseamex.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện các hoạt động giám sát như:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày. Phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng và giải quyết kịp thời các đề xuất, yêu cầu của Ban điều hành Công ty trong công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày;
- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc để nghe báo cáo, giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh;
- Ra quyết định việc cơ cấu lại mô hình tổ chức, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;

Đưa ra nghị quyết về các phương án, dự án đầu tư của Công ty, thu xếp nguồn vốn, nhân lực cho quản lý cấp cao của các dự án.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành;
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần/tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới;
- Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng;
- Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã cố gắng làm tốt nhiệm vụ SXKD trong năm;
- Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí;...

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục chỉ đạo để duy trì Công ty Caseamex tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản lớn hàng đầu của Việt Nam;
- Chỉ đạo giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, đồng thời công ty không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu quảng bá Caseamex thành thương hiệu mạnh nhiều người biết đến;
- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm;
- Tiếp tục chỉ đạo lập kế hoạch xây dựng "Chuỗi giá trị thủy sản, khép kín năm 2021"
- Tiếp tục Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả;
- Tiếp tục thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BAN KIỂM SOÁT**

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**



## Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT

## Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc

Nhìn lại một năm hoạt động, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng. Mặc dù gặp một số khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, khối lượng công việc và doanh thu của năm còn khá khiêm tốn, tuy nhiên các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đều được Ban Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT cho rằng Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn bộ cán bộ - công nhân lao động mang lại kết quả kinh doanh bền vững trong những năm qua.

## Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

## Hoạt động Hội đồng quản trị năm 2020

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CUỘC HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	4	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT	4	100%
4	Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên HĐQT	4	100%
5	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	4	100%

### Các cuộc họp Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	01.01/BB-HĐQT.2020	10/01/2020	Đánh giá tình hình SXKD năm 2019 và thảo luận về kế hoạch và phương hướng kinh doanh năm 2020.
2	01/BB-HĐQT.2020	26/06/2020	Bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.
3	02/BB-HĐQT.2020	12/10/2020	Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian qua
4	03/BB-HĐQT.2020	28/12/2020	Cập nhật tình hình thực tế và phân tích các thuận lợi, khó khăn trong thời gian qua để đưa ra phương hướng hoạt động SXKD trong năm 2021.

## Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS

## Hoạt động Hội đồng quản trị năm 2020

### Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CUỘC HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	3	100%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	3	100%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	3	100%

### Hoạt động giám sát của BKS/Uỷ ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, các thành viên đều tham dự đầy đủ, cùng thảo luận và trao đổi thông tin và thống nhất các nội dung:

Việc hợp đồng thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 với Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

- Giám sát tình hình kiểm kê tài sản tại thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- Tham gia đóng góp chương trình, kế hoạch, thực hiện tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

- Tham gia cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc làm việc với các đơn vị trực thuộc.
- Đóng góp dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế Chi tiêu nội bộ.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2020.
- Đóng góp dự thảo Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công ty
- Giúp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc soát xét công tác quản lý cấp phát nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho các phương tiện vận chuyển của Công ty và các công tác giám sát thường xuyên khác.

### Các cuộc họp Biên bản

STT	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	01.01/BB-BKS.2020	15/01/2020	Xem xét tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019.
2	01/BB-BKS.2020	26/06/2020	Bầu Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025.
3	02/BB-BKS.2020	26/12/2020	Thảo luận và xem xét quá trình hoạt động SXKD dựa trên các Nghị quyết và phương hướng hoạt động đề ra của Ban lãnh đạo Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Uỷ ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ hợp lý khác

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các Phòng Ban, Đơn vị trực thuộc;

Giữ được mối liên lạc thường xuyên trong Ban Kiểm soát, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và với Ban Giám đốc Công ty.

Trường ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được cung cấp thông tin kịp thời để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

## CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ



**06**

**BÁO CÁO PHÁT  
TRIỂN BỀN VỮNG**

## Tăng trưởng kinh tế bền vững

- Hệ thống quản trị doanh nghiệp có vai trò trọng yếu để thúc đẩy tăng trưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, duy trì sự bền vững góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông, cân bằng với các vấn đề môi trường, xã hội và lợi ích các bên liên quan khác. Không chỉ quản trị hoạt động sản xuất, kinh doanh, hướng tới tăng trưởng và lợi nhuận, Caseamex còn nhất quán việc quản trị bài bản cho các vấn đề môi trường xã hội, các vấn đề phi tài chính nhằm thiết lập nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài. Chủ động quản trị chuyên nghiệp các vấn đề môi trường xã hội. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quán triệt công tác học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Trong năm qua, Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Nội bộ đoàn kết tốt, tạo nên khối thống nhất hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong SXKD; cán bộ, công nhân trong công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- Phương châm của công ty là sự phát triển của Công ty đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện liên tục, tạo việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên của Công ty. Không ngừng đổi mới, sử dụng những công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm nhiên liệu và tránh những tác hại ảnh hưởng tới môi trường và người lao động. Phương châm của Công ty là đem lại lợi ích cho khách hàng, Cổ đông và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.
- Công ty tạo việc làm ổn định cho người lao động; Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành thủy sản; Tăng cường quản trị an ninh tại khu vực hoạt động; Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.



## Trách nhiệm với người lao động, xã hội cộng đồng

Xây dựng môi trường làm việc năng động, thoải mái giúp người lao động phát huy hết năng lực cá nhân, gắn bó và cống hiến cho công ty. Xây dựng chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, chính sách đào tạo, chăm lo tinh thần cho người lao động hiệu quả để người lao động luôn là người đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty. Trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, chú trọng các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng và hỗ trợ tài chính phục vụ cộng đồng.

## Cam kết bảo vệ môi trường

Với một doanh nghiệp thủy sản như Caseamex, bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của doanh nghiệp, mà trên hết là ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe của cộng đồng. Việc này quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp, chỉ khi thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững thì doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển bền vững. Trong những năm qua, Caseamex luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như:

- Đầu tư các thiết bị xử lý chất thải, trong đó có việc truy xét về nguyên nhân dẫn đến tồn dư lượng hóa chất trong cá thương phẩm nhằm tránh phát sinh dịch bệnh xảy ra tại các vùng nuôi cá
- Áp dụng các quy chuẩn về xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lỏng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các thiết bị hiện đại nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu;
- Trong quá trình nuôi cá nguyên liệu, các chất dinh dưỡng trong thức ăn nuôi cá không thể hấp thụ được hết vào cơ thể mà bị thải ra môi trường xung quanh qua thức ăn dư thừa, phân và chất thải. Ngoài ra trong quá trình nuôi cá có lượng bùn dư thừa thải ra. Vì vậy, cần được chứa riêng cho cơ sở nuôi. Tránh tình trạng thải trực tiếp bùn chưa được xử lý ra môi trường dẫn đến ô nhiễm.
- Sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý các chất hữu cơ chứa trong nước thải chế biến thủy sản.

**07**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UB ND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có Chi nhánh là Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt tại tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; chế biến, bảo quản rau quả; nuôi trồng thủy sản nội địa; nuôi trồng thủy sản biển; sản xuất giống thủy sản; chăn nuôi gia cầm; chăn nuôi lợn; chăn nuôi trâu, bò; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu, mỡ động vật, thực vật; mua bán xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu mỡ, mỡ cá và các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống khác; mua bán thủy sản tươi, đông lạnh, qua chế biến và các mặt hàng thực phẩm khác; mua bán phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ phục vụ ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hoạt động tư vấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản; hoạt động môi giới thương mại; vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng ô tô tải thông thường, xe chuyên dụng, xe container; cho thuê xe có động cơ; cho thuê kho lạnh bảo quản nông, thủy hải sản, thực phẩm; kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng, nhà kho; sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Đông Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Võ Thị Thúy Nga	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Lệ Liễu	Phó ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Ánh Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2017
Bà Võ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020
Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2020

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Võ Đông Đức**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lô STH 06A.011, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 4.0126/21/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>546.643.063.846</b>	<b>451.592.088.820</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.874.000.628</b>	<b>17.060.781.826</b>
1. Tiền	111	V.1	12.874.000.628	17.060.781.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>230.424.094.168</b>	<b>174.910.463.220</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	218.538.230.977	170.137.541.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	10.007.400.000	7.496.438.575
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.999.635.918	4.877.606.421
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.121.172.727)	(7.601.122.860)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>269.673.512.434</b>	<b>248.081.677.472</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	269.673.512.434	248.081.677.472
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.671.456.616</b>	<b>11.539.166.302</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.172.292.215	1.475.826.879
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.499.164.401	10.063.339.423
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>197.629.166.523</b>	<b>198.036.451.955</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.923.553.755</b>	<b>7.921.629.534</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	9.923.553.755	7.921.629.534
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.818.563.036</b>	<b>86.510.830.974</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	60.883.317.508	63.643.535.594
- Nguyên giá	222		233.215.758.470	227.032.270.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(172.332.440.962)	(163.388.734.814)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.935.245.528	22.867.295.380
- Nguyên giá	228		26.915.740.855	26.915.740.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.980.495.327)	(4.048.445.475)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>98.872.975.814</b>	<b>97.700.552.101</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	98.872.975.814	97.700.552.101
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.014.073.918</b>	<b>5.903.439.346</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.014.073.918	5.903.439.346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>744.272.230.369</b>	<b>649.628.540.775</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>528.492.800.033</b>	<b>427.956.235.987</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>523.692.834.983</b>	<b>412.307.471.664</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	89.333.872.232	55.518.514.302
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	81.017.444.083	57.628.047.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.058.045.754	3.354.921.490
4. Phải trả người lao động	314	V.15	5.787.764.949	13.398.195.413
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.940.328.672	2.069.992.040
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	37.576.129.198	37.283.444.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	301.744.920.000	243.054.356.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	234.330.095	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.799.965.050</b>	<b>15.648.764.323</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	4.799.965.050	5.280.764.323
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	-	10.368.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>215.779.430.336</b>	<b>221.672.304.788</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>215.779.430.336</b>	<b>221.672.304.788</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.20a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	56.789.552.000	56.789.552.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20a	(9.508.163.000)	(9.508.163.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20a	8.861.985.056	8.635.569.983
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	6.204.701.419	12.323.990.944
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.336.777.344	12.323.990.944
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.867.924.075	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>744.272.230.369</b>	<b>649.628.540.775</b>

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Phạm Minh Ngọc  
Người lập

Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	660.458.230.953	628.574.134.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.416.688.480	3.201.860.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		653.041.542.473	625.372.274.212
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	566.152.864.603	545.500.747.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.888.677.870	79.871.526.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.683.701.308	1.218.830.437
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.739.384.165	16.729.443.437
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.200.509.847	16.296.174.209
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	55.242.353.374	36.205.377.410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.338.640.809	12.329.689.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.252.000.830	15.825.847.263
11. Thu nhập khác	31	VI.8	20.000.000	30.000.001
12. Chi phí khác	32	VI.9	132.768.735	-
13. Lợi nhuận khác	40		(112.768.735)	30.000.001
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.139.232.095	15.855.847.264
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.478.855.264	3.297.189.955
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.660.376.831	12.558.657.309
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	371	823
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	371	823

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Phạm Minh Ngọc  
Người lập

Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		611.812.254.985	632.117.410.156
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(526.706.089.449)	(561.033.307.997)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(75.113.705.578)	(65.642.444.705)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(19.200.509.847)	(16.296.174.209)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(3.200.629.184)	(3.166.008.620)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.286.089.800	18.195.362.957
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.633.673.310)	(17.027.862.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.756.262.583)</b>	<b>(12.853.024.793)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.329.804.036)	(9.605.520.534)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.000.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29.329.804.036)</b>	<b>(9.575.520.533)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	599.409.791.246	550.905.250.186
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a, b	(551.087.227.246)	(528.551.894.186)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20d	(10.633.073.865)	(13.573.546.345)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>37.689.490.135</b>	<b>8.779.809.655</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.396.576.484)</b>	<b>(13.648.735.671)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>17.060.781.826</b>	<b>30.731.850.718</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		209.795.286	(22.333.221)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>12.874.000.628</b>	<b>17.060.781.826</b>



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

*[Signature]*  
Phạm Minh Ngọc  
Người lập

*[Signature]*  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân là Chi nhánh là Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt tại tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 688 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 691 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

#### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-15
Tài sản cố định khác	04-08

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

**13. Vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng bán đã tiêu thụ từ năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại hoặc giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	380.271.959	676.580.878

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.493.728.669	16.384.200.948
<b>Cộng</b>	<b>12.874.000.628</b>	<b>17.060.781.826</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	-	-

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Sea International	40.336.848.716	41.537.901.662
NP - USA INC	47.916.000.849	699.204.605
Các khách hàng khác	130.285.381.412	127.900.434.817
<b>Cộng</b>	<b>218.538.230.977</b>	<b>170.137.541.084</b>

**4. Trả trước cho người bán****4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Bao bì Hoàn Mỹ	-	506.438.575
Công ty TNHH Cơ khí Cần Thơ Mekong	-	1.766.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhân Tâm	8.166.900.000	-
Bà Nguyễn Thị Ánh Sáng	-	5.100.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.840.500.000	124.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.007.400.000</b>	<b>7.496.438.575</b>

**4b. Trả trước cho người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát	9.923.553.755	7.921.629.534
<b>Cộng</b>	<b>9.923.553.755</b>	<b>7.921.629.534</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ông Lê Tam Bình - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	1.540.183.040	-	-	-
Ông Lê Văn Mười - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	1.153.964.128	-	2.409.476.784	-
Ông Nguyễn Văn Cường - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	-	-	1.458.061.840	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.100.000.000	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	272.000.290	-	98.322.353	-
Tạm ứng	2.933.488.460	-	359.912.856	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	-	100.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt chờ nguồn bù đắp	-	-	331.707.588	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	120.125.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.999.635.918</b>	-	<b>4.877.606.421</b>	-

**6. Nợ quá hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức khác</b>				
Sea International - Phải thu tiền bán hàng	40.336.848.716	34.853.845.697	41.537.901.662	36.945.692.091
Blue Is Inc - Phải thu tiền bán hàng	4.974.732.576	3.233.576.174	4.974.732.576	3.482.312.803
Caseamex USA - Phải thu tiền bán hàng	6.664.539.399	4.767.526.093	7.588.053.225	6.071.559.709
<b>Cộng</b>	<b>51.976.120.691</b>	<b>42.854.947.964</b>	<b>54.100.687.463</b>	<b>46.499.564.603</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.601.122.860	15.184.379.805
Trích lập dự phòng bổ sung	1.520.049.867	6.744.037.323
Xử lý xóa nợ	-	(14.327.294.268)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.121.172.727</b>	<b>7.601.122.860</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.516.192.522	-	5.488.310.405	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	152.209.649.875	-	169.714.060.947	-
Thành phẩm	110.947.670.037	-	72.879.306.120	-
<b>Cộng</b>	<b>269.673.512.434</b>	<b>-</b>	<b>248.081.677.472</b>	<b>-</b>

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 110.947.670.037 VND (số đầu năm là 72.879.306.120 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.103.498.634	719.339.466
Chi phí bảo hiểm tài sản	35.522.971	79.618.226
Chi phí đánh giá chất lượng	289.151.622	113.174.582
Chi phí gia cố bờ ao	177.543.229	323.007.511
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	102.030.698	47.240.617
Chi phí sửa chữa tài sản	503.139.222	26.268.645
Chi phí thường niên sử dụng logo ASC	-	11.750.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	961.405.839	155.427.832
<b>Cộng</b>	<b>3.172.292.215</b>	<b>1.475.826.879</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.287.764.422	3.380.177.769
Chi phí đào ao cá Mỹ Hòa	-	173.354.422
Chi phí gia cố bờ ao	1.313.660.447	721.259.832
Chi phí sửa chữa tài sản	1.059.798.051	1.251.245.790
Chi phí luật sư tư vấn chống phá giá	89.079.272	195.974.396
Chi phí trả trước dài hạn khác	263.771.726	181.427.137
<b>Cộng</b>	<b>6.014.073.918</b>	<b>5.903.439.346</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	98.680.980.589	114.905.251.095	9.717.500.599	3.728.538.125	227.032.270.408
Mua trong năm	6.003.108.792	1.161.563.970	-	-	7.164.672.762
Thanh lý, nhượng bán	-	(102.931.200)	(878.253.500)	-	(981.184.700)
<b>Số cuối năm</b>	<b>104.684.089.381</b>	<b>115.963.883.865</b>	<b>8.839.247.099</b>	<b>3.728.538.125</b>	<b>233.215.758.470</b>
Trong đó:					

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.902.228.113	62.162.241.706	3.438.632.584	3.395.869.942	81.898.972.345
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>12.902.228.113</b>	<b>62.162.241.706</b>	<b>3.438.632.584</b>	<b>3.395.869.942</b>	<b>81.898.972.345</b>
Số đầu năm	61.783.167.825	92.294.310.474	5.896.675.102	3.414.581.413	163.388.734.814
Khấu hao trong năm	6.335.359.310	2.887.651.814	608.935.072	42.944.652	9.874.890.848
Thanh lý, nhượng bán	-	(102.931.200)	(828.253.500)	-	(931.184.700)
<b>Số cuối năm</b>	<b>68.118.527.135</b>	<b>95.079.031.088</b>	<b>5.677.356.674</b>	<b>3.457.526.065</b>	<b>172.332.440.962</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>36.897.812.764</b>	<b>22.610.940.621</b>	<b>3.820.825.497</b>	<b>313.956.712</b>	<b>63.643.535.594</b>
Số đầu năm	36.897.812.764	22.610.940.621	3.820.825.497	313.956.712	63.643.535.594
<b>Số cuối năm</b>	<b>36.565.562.246</b>	<b>20.884.852.777</b>	<b>3.161.890.425</b>	<b>271.012.060</b>	<b>60.883.317.508</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 36.693.824.844 VND (số đầu năm 50.149.812.484 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.848.170.860</b>	<b>67.569.995</b>	<b>26.915.740.855</b>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>-</b>	<b>67.569.995</b>	<b>67.569.995</b>
Số đầu năm	3.980.875.480	67.569.995	4.048.445.475
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.912.925.332</b>	<b>67.569.995</b>	<b>4.980.495.327</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>21.935.245.528</b>	<b>-</b>	<b>21.935.245.528</b>
Số đầu năm	22.867.295.380	-	22.867.295.380
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.935.245.528</b>	<b>-</b>	<b>21.935.245.528</b>

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 20.008.876.928 VND (số đầu năm 22.867.295.380 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát sinh trong năm			Số cuối năm
	Số đầu năm		Kết chuyển giảm khác	
Mua sắm tài sản cố định	2.060.000.000	-	(460.000.000)	1.600.000.000
- Chuyển nhượng đất Trà Vinh	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
- Chuyển nhượng đất Tân Thạnh An	460.000.000	-	(460.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	95.640.552.101	3.059.270.713	(1.426.847.000)	97.272.975.814
- Công trình xây dựng dự án Gia Phúc - Nhà ở xã hội	95.640.552.101	3.059.270.713	(1.426.847.000)	97.272.975.814
<b>Cộng</b>	<b>97.700.552.101</b>	<b>3.059.270.713</b>	<b>(1.886.847.000)</b>	<b>98.872.975.814</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	27.663.022.464	23.574.033.376
Các nhà cung cấp khác	61.670.849.768	31.944.480.926
<b>Cộng</b>	<b>89.333.872.232</b>	<b>55.518.514.302</b>

**12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	115.336.565	115.336.565
<b>Cộng</b>	<b>115.336.565</b>	<b>115.336.565</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
New Food Import Inc.	51.970.060.806	45.095.701.872
Các khách hàng khác	29.047.383.277	12.532.345.728
<b>Cộng</b>	<b>81.017.444.083</b>	<b>57.628.047.600</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.139.232.095	15.855.847.264
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	235.531.019	127.785.452
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.374.763.114	15.983.632.716
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	7.374.763.114	15.983.632.716
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.474.952.623</b>	<b>3.196.726.543</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>3.902.641</b>	<b>100.463.412</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.478.855.264</b>	<b>3.297.189.955</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**Thuế tài nguyên**Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên ở mức 4.000 VND/m<sup>3</sup> với thuế suất 3%.**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo quy định trong từng hợp đồng thuê đất.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí hoa hồng	4.606.628.447	1.979.421.240
Chi phí FSIS, lưu cont... nước ngoài	1.333.700.225	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	90.570.800
<b>Cộng</b>	<b>5.940.328.672</b>	<b>2.069.992.040</b>

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	538.669.103	221.566.245
Bảo hiểm xã hội	1.141.108.288	1.076.738.322
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.600.000.000	8.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.669.088.620	4.314.948.885
Nguyễn Thị Thanh Vân - Phải trả tiền mượn không lãi suất	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát - Phải trả tiền mượn không lãi suất	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.627.263.187	2.770.191.367
<b>Cộng</b>	<b>37.576.129.198</b>	<b>37.283.444.819</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.799.965.050	5.280.764.323
<b>Cộng</b>	<b>4.799.965.050</b>	<b>5.280.764.323</b>

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	284.816.220.000	243.054.356.000
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ <sup>(i)</sup>	64.715.940.000	57.525.616.000
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long <sup>(ii)</sup>	220.100.280.000	180.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Cần Thơ	-	5.528.740.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	16.928.700.000	-
- Vay Chailease International Financial Services (Singapore) Pte.Ltd <sup>(iii)</sup>	16.928.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>301.744.920.000</b>	<b>243.054.356.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.7 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Chailease International Financial Services (Singapore) Pte.Ltd để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất hàng năm sẽ bằng tổng lãi suất chào USD liên ngân hàng London kỳ hạn một tháng (USD LIBOR 1 Month)("Lãi suất cơ sở") và 4,68%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho được lưu tại Công ty cho thuê kho thuộc Công ty Cổ phần Mekong Logistics.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	243.054.356.000	576.243.581.246	(534.481.717.246)	284.816.220.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	23.166.210.000	(6.237.510.000)	16.928.700.000
<b>Cộng</b>	<b>243.054.356.000</b>	<b>599.409.791.246</b>	<b>(540.719.227.246)</b>	<b>301.744.920.000</b>

**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>		
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ	-	10.368.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.368.000.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.368.000.000	21.169.000.000
Số tiền vay đã trả	(10.368.000.000)	(10.801.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>10.368.000.000</b>

**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(331.707.588)	(1.584.573.319)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	566.037.683	1.255.865.731
Chi quỹ trong năm	-	(3.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>234.330.095</b>	<b>(331.707.588)</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Đông Đức	54.192.230.000	53.646.230.000
Các cổ đông khác	96.731.030.000	97.277.030.000
<b>Cộng</b>	<b>150.923.260.000</b>	<b>150.923.260.000</b>

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu phổ thông	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu phổ thông	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Số lượng cổ phiếu được mua lại với giá 7.000 VND/cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 45/NQ/ĐHĐCĐ.2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	10.987.213.600	-	10.987.213.600
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	627.932.865	627.932.865	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.255.865.731	1.255.865.731	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết 45/NQ/ĐHĐCĐ.2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	VND
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 226.415.073
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 566.037.683

Đồng thời, trong năm Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm 2010	-	4.078.800
Cổ tức năm 2011	-	2.693.172
Cổ tức năm 2013	1.771.000	2.934.875
Cổ tức năm 2014	2.756.000	338.825
Cổ tức năm 2015	1.952.000	6.385.250
Cổ tức năm 2016	197.242.500	200.835.971
Cổ tức năm 2017	226.824.500	1.528.210.759
Cổ tức năm 2018	667.273.625	11.828.068.693
Cổ tức năm 2019	9.535.254.240	-
<b>Tổng</b>	<b>10.633.073.865</b>	<b>13.573.546.345</b>

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****21a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.628.601.419	2.372.423.425
Trên 1 năm đến 5 năm	7.808.357.676	7.462.011.158
Trên 5 năm	34.346.862.266	31.797.328.171
<b>Cộng</b>	<b>44.783.821.361</b>	<b>41.631.762.754</b>

**21b. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	459.834,35	592.330,62
Euro (EUR)	104,05	123,35

**21c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Blue is Inc	4.974.732.576	4.974.732.576	Không có khả năng thu hồi
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082	Không có khả năng thu hồi
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>14.327.294.268</b>	<b>14.327.294.268</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	659.223.818.388	624.758.716.868
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.234.412.565	3.815.417.844
<b>Cộng</b>	<b>660.458.230.953</b>	<b>628.574.134.712</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	7.402.438.480	3.102.100.500
Giảm giá hàng bán	14.250.000	99.760.000
<b>Cộng</b>	<b>7.416.688.480</b>	<b>3.201.860.500</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	565.226.518.503	542.107.071.014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	926.346.100	3.393.676.490
<b>Cộng</b>	<b>566.152.864.603</b>	<b>545.500.747.504</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.273.874	14.109.945
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.356.549.100	1.080.584.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	323.878.334	124.136.092
<b>Cộng</b>	<b>1.683.701.308</b>	<b>1.218.830.437</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.200.509.847	16.296.174.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	538.874.318	433.269.228
<b>Cộng</b>	<b>19.739.384.165</b>	<b>16.729.443.437</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.544.187.501	11.945.305.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.957.874.489	8.549.544.672
Chi phí cước tàu CNF	23.898.557.872	10.242.760.891
Các chi phí khác	8.841.733.512	5.467.766.159
<b>Cộng</b>	<b>55.242.353.374</b>	<b>36.205.377.410</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	396.000.000	396.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	256.482.026	484.882.253
Thuế, phí và lệ phí	72.591.402	223.806.519
Dự phòng phải thu khó đòi	1.520.049.867	6.744.037.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.972.762.059	2.456.573.243
Các chi phí khác	1.120.755.455	2.024.389.697
<b>Cộng</b>	<b>6.338.640.809</b>	<b>12.329.689.035</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.000.000	30.000.001
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000</b>	<b>30.000.001</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	132.768.735	-
<b>Cộng</b>	<b>132.768.735</b>	<b>-</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.660.376.831	12.558.657.309
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(566.037.683)	(1.255.865.731)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.094.339.148	11.302.791.578
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.734.017	13.734.017
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu trên cổ phiếu</b>	<b>371</b>	<b>823</b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính theo tỷ lệ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 45/NQ/ĐHĐCĐ.2020 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với mức trích 10% lợi nhuận sau thuế.

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	450.255.440.301	498.665.293.192
Chi phí nhân công	91.149.105.601	91.737.457.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.806.940.700	10.621.044.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.063.873.795	43.980.778.729

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	19.298.916.475	32.343.521.313
<b>Cộng</b>	<b>648.574.276.872</b>	<b>677.348.095.718</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

- Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 21 tháng 3 năm 2017, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 12 (POR 12 từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 đến ngày 31 tháng 7 năm 2015) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 2,39 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 13 (POR 13 từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 3,87 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 29 tháng 4 năm 2019, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 14 (POR 14 từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến ngày 31 tháng 7 năm 2017) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 2,39 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 20 tháng 4 năm 2020, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 15 (POR 15 từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,15 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát*

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	296.250.000	49.380.000	72.000.000	417.630.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị	260.700.000	43.460.000	72.000.000	376.160.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	213.300.000	35.560.000	48.000.000	296.860.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	229.619.000	38.280.000	48.000.000	315.899.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	229.783.000	38.300.000	48.000.000	316.083.000
Ông Lê Thành Được - Phó Tổng Giám đốc	213.300.000	35.560.000	-	248.860.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	36.000.000	29.900.000	-	65.900.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	222.300.000	37.060.000	-	259.360.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	172.008.000	28.680.000	36.000.000	236.688.000
Bà Phạm Lệ Liễu - Thành viên Ban kiểm soát	68.647.000	23.140.000	18.000.000	109.787.000
Bà Lê Ánh Hồng - Thành viên Ban kiểm soát	87.791.000	-	18.000.000	105.791.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	77.095.000	24.380.000	18.000.000	119.475.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	45.480.000	14.960.000	18.000.000	78.440.000
<b>Cộng</b>	<b>2.152.273.000</b>	<b>398.660.000</b>	<b>396.000.000</b>	<b>2.946.933.000</b>

Năm trước



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị	297.230.000	49.540.000	84.000.000	430.770.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	261.543.000	43.600.000	60.000.000	365.143.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	214.331.000	35.720.000	48.000.000	298.051.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Thành viên Hội đồng quản trị	219.880.000	36.640.000	48.000.000	304.520.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	205.636.000	34.300.000	48.000.000	287.936.000
Ông Lâm Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc	213.786.000	35.640.000	-	249.426.000
Ông Lê Thành Được - Phó Tổng Giám đốc	214.182.000	35.700.000	-	249.882.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	213.165.000	35.520.000	-	248.685.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	175.276.000	29.220.000	36.000.000	240.496.000
Bà Phạm Lệ Liễu - Thành viên Ban kiểm soát	140.157.000	23.400.000	36.000.000	199.557.000
Bà Lê Ánh Hồng - Thành viên Ban kiểm soát	159.086.000	26.520.000	36.000.000	221.606.000
<b>Cộng</b>	<b>2.314.272.000</b>	<b>385.800.000</b>	<b>396.000.000</b>	<b>3.096.072.000</b>

**3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

**3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ (doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, khoảng 0,45%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

**3b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	161.921.401.321	197.344.450.449
Nước ngoài	491.120.141.152	428.027.823.763

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

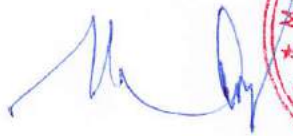
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>653.041.542.473</b>	<b>625.372.274.212</b>


**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



  
Phạm Minh Ngọc  
Người lập

  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

  
Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.196.726.543	1.478.855.264	(3.200.629.184)	1.474.952.623
nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động	60.375.434	173.677.937	(60.375.434)	173.677.937
Thuế thu nhập cá nhân	50.479.513	663.106.061	(305.610.380)	407.975.194
Thuế tài nguyên	3.840.000	15.792.000	(18.192.000)	1.440.000
Tiền thuế đất	43.500.000	306.500.000	(350.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.354.921.490</b>	<b>2.641.931.262</b>	<b>(3.938.806.998)</b>	<b>2.058.045.754</b>

Phạm Minh Ngọc  
Người lậpNguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởngVõ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	8.007.637.118	15.383.149.231	224.103.530.210	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	12.558.657.309	12.558.657.309	
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(13.734.017.000)	(13.734.017.000)	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	627.932.865	(1.883.798.596)	(1.255.865.731)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.923.260.000</b>	<b>56.789.552.000</b>	<b>(9.508.163.000)</b>	<b>2.508.094.861</b>	<b>8.635.569.983</b>	<b>12.323.990.944</b>	<b>221.672.304.788</b>	
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	8.635.569.983	12.323.990.944	221.672.304.788	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	5.660.376.831	5.660.376.831	
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.987.213.600)	(10.987.213.600)	
Trích các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	226.415.073	(792.452.756)	(566.037.683)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.923.260.000</b>	<b>56.789.552.000</b>	<b>(9.508.163.000)</b>	<b>2.508.094.861</b>	<b>8.861.985.056</b>	<b>6.204.701.419</b>	<b>215.779.430.336</b>	

Phạm Minh Ngọc  
Người lậpNguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởngVõ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Thành phố Cần Thơ, ngày 18 tháng 04 năm 2021  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**VÕ ĐÔNG ĐỨC**